

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng
khu công nghiệp VSIP Lạng Sơn”**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp VSIP Lạng Sơn” của Công ty TNHH VSIP Lạng Sơn tại Văn bản số 16-24/WSTP/VSIPLS ngày 19 tháng 4 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp VSIP Lạng Sơn” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH VSIP Lạng Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Hồ Sơn và xã Hòa Thắng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Công ty TNHH VSIP Lạng Sơn;
- UBND tỉnh Lạng Sơn;
- UBND tỉnh Bắc Giang;
- Sở TN&MT tỉnh Lạng Sơn;
- Sở NN&PTNT tỉnh Lạng Sơn;
- BQL KKT cửa khẩu Đồng Đăng-Lạng Sơn;
- Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Lưu: VT, VPMC, MT_{Hvt}.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP VSIP LẠNG SƠN”**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp VSIP Lạng Sơn.

- Địa điểm thực hiện: xã Hồ Sơn và xã Hòa Thắng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH VSIP Lạng Sơn.

- Địa chỉ liên hệ: Số 311 đường Chi Lăng, khu Tân Mỹ 2, thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Dự án được thực hiện tại xã Hồ Sơn và xã Hòa Thắng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, là dự án mới. Dự án thực hiện đánh giá tác động môi trường trên cơ sở Quyết định số 501/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp VSIP Lạng Sơn (sau đây viết tắt là KCN), tỉnh Lạng Sơn; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có mã số 5767836581, chứng nhận lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế (sau đây gọi tắt là BQL KKT) của khâu Đồng Đăng - Lạng Sơn. Tổng diện tích của Dự án là 599,76 ha, được chia thành 03 giai đoạn, cụ thể:

+ Giai đoạn 1 (sau đây viết tắt là GD1): diện tích 200 ha;

+ Giai đoạn 2 (sau đây viết tắt là GD2): diện tích 250 ha;

+ Giai đoạn 3 (sau đây viết tắt là GD3): diện tích 149,76 ha.

Theo Quyết định số 501/QĐ-TTg, giai đoạn tiếp theo chỉ được thực hiện khi giai đoạn trước đạt tỷ lệ lấp đầy tối thiểu 60%.

Chi tiết tọa độ vị trí thực hiện Dự án được thể hiện tại bảng dưới đây:

Ký hiệu	Hệ tọa độ VN 2000, (kinh tuyến trục 107°15', múi chiều 3 ⁰)		Ký hiệu	Hệ tọa độ VN 2000, (kinh tuyến trục 107°15', múi chiều 3 ⁰)	
	X	Y		X	Y
N1	2378896.734	411228.193	N31	2374067.480	406934.212
N2	2378686.929	411451.208	N32	2374157.568	406954.940
N3	2378503.097	411278.265	N33	2374624.189	407579.424
N4	2378163.696	411288.624	N34	2374934.205	407595.248
N5	2378045.569	411414.188	N35	2375226.289	407952.291

Ký hiệu	Hệ tọa độ VN 2000, (kinh tuyến trục 107°15', múi chiều 3 ⁰)		Ký hiệu	Hệ tọa độ VN 2000, (kinh tuyến trục 107°15', múi chiều 3 ⁰)	
	X	Y		X	Y
N6	2377766.891	411152.017	N36	2375203.289	408402.878
N7	2377748.552	410887.631	N37	2375211.705	408448.425
N8	2377421.848	410580.279	N38	2375264.826	408568.530
N9	2377154.500	410424.698	N39	2375377.089	408645.777
N10	2377091.259	410379.110	N40	2376303.653	408693.072
N11	2376232.763	409571.467	N41	2376288.195	408995.911
N12	2376419.123	409373.372	N42	2376367.031	409010.872
N13	2376431.195	409136.877	N43	2376459.309	408817.758
N14	2376377.505	409086.368	N44	2376722.697	408943.617
N15	2376285.276	409053.103	N45	2376828.936	409043.563
N16	2376270.875	409335.236	N46	2376946.893	408918.179
N17	2375968.191	409319.786	N47	2377023.471	408951.982
N18	2375919.870	409335.869	N48	2377359.425	409268.035
N19	2375827.427	409412.731	N49	2377424.016	409392.686
N20	2375102.173	409375.712	N50	2377399.021	409570.820
N21	2374767.971	408620.089	N51	2377380.796	409590.193
N22	2374742.064	408602.263	N52	2377404.467	409612.462
N23	2374497.833	408589.796	N53	2377640.373	409361.702
N24	2374383.517	408544.680	N54	2377807.477	409356.602
N25	2374354.769	408517.896	N55	2378249.271	409772.226
N26	2374191.830	408469.843	N56	2378257.037	410026.666
N27	2373804.461	408515.396	N57	2378520.568	410274.587
N28	2373560.560	408493.771	N58	2378530.703	410606.626
N29	2373503.822	408476.597	N59	2378427.850	410715.954
N30	2373569.419	407191.462	N60	2378705.829	410977.466

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN trên tổng diện tích khoảng 599,76 ha, được phân kỳ đầu tư theo 03 giai đoạn với các hạng mục công trình chính như sau:

- GD1: Giải phóng mặt bằng; rà phá bom mìn; san nền; xây dựng hệ thống đường giao thông; hệ thống cấp nước; nhà máy xử lý nước cấp giai đoạn 1 công suất 6.000 m³/ngày.đêm (module số 1) và các hạng mục phụ trợ; hệ thống thu gom, thoát nước mưa; các tuyến mương hoàn trả suối Vị, suối Ngang và phục vụ thoát nước mặt cho KCN; hệ thống thu gom, thoát nước thải; hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1 công suất 4.250 m³/ngày.đêm (module số 1) và các hạng mục phụ trợ; hồ sự cố giai đoạn 1 dung tích 14.400 m³; trạm điện 110kV và hệ thống cấp điện, chiếu sáng; hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống phòng cháy, chữa cháy (sau đây gọi là PCCC); khu nhà hành chính, dịch vụ KCN; nhà xưởng xây

sẵn cho thuê số 1; hệ thống cây xanh - mặt nước; nắn tuyến đường điện 35kV.

- GD2: Giải phóng mặt bằng; rà phá bom mìn; san nền; xây dựng hệ thống giao thông; hệ thống cấp nước; nhà máy xử lý nước cấp giai đoạn 2 công suất 6.000 m³/ngày.đêm (module số 2) và các hạng mục phụ trợ; hệ thống thu gom, thoát nước mưa; các tuyến mương, hồ điều hòa hoàn trả suối Vĩ, suối Ngang và phục vụ thoát nước mặt cho KCN; hệ thống thu gom, thoát nước thải; hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 2 công suất 4.250 m³/ngày.đêm (module số 2) và các hạng mục phụ trợ; hồ sự cố giai đoạn 2 dung tích 11.100 m³; hệ thống cấp điện, chiếu sáng; hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống PCCC; nhà xưởng xây sẵn cho thuê số 2; hệ thống cây xanh - mặt nước.

- GD3: Giải phóng mặt bằng; rà phá bom mìn; san nền; xây dựng hệ thống giao thông; hệ thống cấp nước; nhà máy xử lý nước cấp giai đoạn 3 công suất 3.500 m³/ngày.đêm (module số 3) và các hạng mục phụ trợ; hệ thống thu gom, thoát nước mưa; các tuyến mương hờ để phục vụ thoát nước mặt cho KCN; hệ thống thu gom, thoát nước thải; hệ thống cấp điện, chiếu sáng; hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống PCCC; hệ thống cây xanh - mặt nước; bãi đỗ xe; di chuyển đài tưởng niệm liệt sĩ.

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm các hoạt động: Xây dựng 02 mương thoát nước mặt kết nối mương hoàn trả suối Vĩ, suối Ngang từ điểm ngoài ranh giới KCN ra sông Thương (thực hiện theo Công văn số 512/UBND-KT ngày 19/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn); bố trí và xây dựng khu vực nhà ở tái định cư; khai thác các nguyên, vật liệu xây dựng phục vụ thi công KCN; nội dung đánh giá tác động môi trường chi tiết của việc thực hiện các dự án đầu tư thứ cấp thu hút vào KCN; công trình lấy, dẫn nước từ sông Thương đến ranh giới KCN.

1.3. Công nghệ sản xuất và các ngành nghề thu hút đầu tư

Ngành nghề thu hút đầu tư vào KCN (được Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn xác nhận tại Công văn số 512/UBND-KT nêu trên) như sau:

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành (theo Quyết định số 27/2018/ QĐ-TTg ngày 06/7/2018)
I	Nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo	
1	Công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm	C10
2	Công nghiệp sản xuất đồ uống	C11
3	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	C12
4	Công nghiệp dệt	C13 (trừ mã C13110)
5	Công nghiệp sản xuất trang phục	C14

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành (theo Quyết định số 27/2018/ QĐ-TTg ngày 06/7/2018)
6	Công nghiệp sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (trừ thuộc da)	C15 (trừ mã C15110)
7	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa; sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tẻ bện	C16
8	Công nghiệp sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	C17 (trừ mã C17010)
9	Công nghiệp in, sao chép bản ghi các loại	C18
10	Các ngành công nghiệp hóa chất và sản phẩm hóa chất	C20 (trừ các mã: C20113, C20120, C20210)
11	Các ngành công nghiệp sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	C21
12	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	C22 (trừ mã C22110)
13	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	C23
14	Sản xuất kim loại	C24
15	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	C25
16	Sản xuất, lắp ráp điện, điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	C26
17	Công nghiệp lắp ráp điện, điện lạnh, sản xuất cáp điện	C27
18	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	C28
19	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	C29
20	Sản xuất phương tiện vận tải khác	C30
21	Sản xuất giường, tủ, bàn ghế	C31
22	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	C32
23	Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị	C33
II	Nhóm ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	
24	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	D35

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành (theo Quyết định số 27/2018/ QĐ-TTg ngày 06/7/2018)
III	Nhóm ngành công nghiệp vận tải, kho bãi	
25	Kho vận và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải	H52
26	Bưu chính và chuyển phát	H53
IV	Nhóm ngành kinh doanh bất động sản	
27	Hoạt động kinh doanh bất động sản	L68
V	Nhóm ngành hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	
28	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	M72
29	Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ khác	M74
30	Dịch vụ lưu trú	I55
31	Dịch vụ ăn uống	I56

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.4.1. Các hạng mục công trình của Dự án thực hiện trong GĐ1

1.4.1.1. Các hạng mục công trình chính và phụ trợ

- Giải phóng mặt bằng; rà phá bom mìn.
- San lấp mặt bằng trên diện tích 200 ha.
- Hệ thống đường giao thông nội bộ có tổng diện tích 33,91 ha, bề rộng mặt đường B = (10,5 ÷ 36) m, bề rộng vỉa hè 6 m mỗi bên.
- Hệ thống cấp nước trong ranh giới KCN với tổng chiều dài khoảng L = 14.910 m.
- Một (01) trạm điện 110kV và hệ thống cấp điện; hệ thống chiếu sáng; hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống phòng cháy chữa cháy.
- Nhà máy xử lý nước cấp giai đoạn 1 (module số 1) công suất 6.000 m³/ngày.đêm (24 giờ), một (01) hồ sơ lắng dung tích 24.000 m³ và các hạng mục phụ trợ phục vụ cho hoạt động của nhà máy.
- Mười (10) lô đất công nghiệp để thu hút dự án đầu tư thứ cấp với tổng diện tích 122,49 ha (ký hiệu CN-7, CN-8, CN-9, CN-13, CN-14, CN-15, CN-17, CN-18, CN-20, CN-23). Xây dựng nhà xưởng cho thuê số 1 với diện tích sàn khoảng 20.000 m².
- Hai (02) khu nhà hành chính dịch vụ trên ô đất có ký hiệu HCDV1,

HCDV3.2 với tổng diện tích 3,0 ha, mật độ xây dựng tối đa 40%, tầng cao tối đa 09 tầng.

- Hệ thống cây xanh, mặt nước với tổng diện tích khoảng 29,91 ha, bao gồm:
 - + Tuyến mương hoàn trả suối Vị, suối Ngang đoạn chảy qua diện tích đất GĐ1 của KCN phục vụ thoát nước mặt cho KCN.
 - + Hệ thống cây xanh dọc các tuyến đường giao thông nội bộ, dải cây xanh cách ly tại hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.4.1.2. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

- Hệ thống thoát nước mưa với tổng chiều dài khoảng 22.065 m.
- Hệ thống thu gom và thoát nước thải với tổng chiều dài khoảng 18.680 m, bố trí ba (03) trạm bơm chuyên bậc.
- Một (01) hệ thống xử lý nước thải tập trung cho GĐ1 công suất 4.250 m³/ngày.đêm (module số 1) và các hạng mục công trình phụ trợ phục vụ cho hoạt động của hệ thống.
 - Một (01) hồ sơ cộ nước thải giai đoạn 1 dung tích chứa khoảng 14.400 m³.
 - Một (01) kho chứa chất thải rắn thông thường (đặt tại khu vực nhà máy xử lý nước thải) diện tích khoảng 16 m².
 - Hai (02) kho chứa chất thải nguy hại: 01 kho tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung diện tích khoảng 16 m² và 01 kho tại Nhà máy xử lý nước cấp diện tích khoảng 26 m².
 - Một (01) hệ thống xử lý mùi tại module số 1 hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 8.000 m³/giờ.

1.4.2. Các hạng mục công trình của Dự án trong GĐ2

1.4.2.1. Các hạng mục công trình chính và phụ trợ

- Giải phóng mặt bằng; rà phá bom mìn.
- San lấp mặt bằng trên diện tích 250 ha.
- Hệ thống đường giao thông nội bộ với tổng diện tích 30,26 ha, bề rộng mặt đường B = (10,5 ÷ 36) m, bề rộng vỉa hè 6 m mỗi bên.
- Hệ thống cấp nước trong ranh giới KCN với tổng chiều dài khoảng L = 15.150 m.
 - Nhà máy xử lý nước cấp giai đoạn 2 (module số 2) công suất 6.000 m³/ngày.đêm (24 giờ), 01 hồ sơ lắng dung tích 22.000 m³ và các hạng mục phụ trợ phục vụ cho hoạt động của nhà máy (tiến độ thực tế được triển khai khi công suất xử lý của module số 1 đạt 80% công suất thiết kế), nâng tổng công suất của nhà máy xử lý nước cấp lên 12.000 m³/ngày.đêm.
 - Hệ thống cấp điện; hệ thống chiếu sáng; hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống phòng cháy chữa cháy.

- Mười một (11) lô đất công nghiệp để thu hút đầu tư các dự án thứ cấp với tổng diện tích 193,7ha (ký hiệu CN-1, CN-5, CN-6, CN-10, CN-11, CN-12, CN-16, CN-19, CN-20, CN-21, CN-22). Xây dựng nhà xưởng cho thuê số 2 với diện tích sàn khoảng 30.000 m².

- Một (01) khu nhà hành chính dịch vụ trên ô đất có ký hiệu HCDV2 diện tích 2,55 ha, mật độ xây dựng tối đa 40%, tầng cao tối đa 09 tầng.

- Hệ thống cây xanh, mặt nước với tổng diện tích khoảng 26,04 ha bao gồm:

+ Tuyến mương hoàn trả suối Vĩ, suối Ngang đoạn chảy qua diện tích đất GD2 của KCN phục vụ thoát nước mặt cho KCN.

+ Hệ thống cây xanh dọc các tuyến đường giao thông nội bộ, dải cây xanh cách ly tại hệ thống xử lý nước thải tập trung và dải cây xanh tại hồ điều hòa.

1.4.2.2. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

- Hệ thống thoát nước mưa với tổng chiều dài khoảng 24.741 m.

- Hệ thống thu gom và thoát nước thải với tổng chiều dài khoảng 9.400 m.

- Một (01) hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 2 công suất 4.250 m³/ngày.đêm (module số 2) (tiến độ thực tế được triển khai khi công suất xử lý của module số 1 đạt 80% công suất thiết kế), nâng tổng công suất của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải tập trung lên 8.500 m³/ngày.đêm.

- Một (01) hồ sự cố nước thải giai đoạn 2 dung tích khoảng 11.100 m³ (theo tiến độ module số 2 nêu trên).

1.4.3. Các hạng mục công trình của Dự án trong GD3

1.4.3.1. Các hạng mục công trình chính và phụ trợ

- Giải phóng mặt bằng; rà phá bom mìn.

- San lấp mặt bằng trên diện tích 149,76 ha.

- Hệ thống đường giao thông nội bộ với tổng diện tích 22,37 ha, bề rộng mặt đường B = (10,5 ÷ 36) m, bề rộng vỉa hè 6 m mỗi bên.

- Hệ thống cấp nước trong ranh giới KCN với tổng chiều dài khoảng L = 9.240 m.

- Nhà máy xử lý nước cấp giai đoạn 3 (module số 3) công suất 3.500 m³/ngày.đêm (24 giờ) (tiến độ thực tế được triển khai khi công suất xử lý của module số 1+2 đạt 80% công suất thiết kế), nâng tổng công suất của nhà máy xử lý nước cấp lên 15.500 m³/ngày.đêm.

- Hệ thống cấp điện; hệ thống chiếu sáng; hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống phòng cháy chữa cháy.

- Mười một (11) lô đất công nghiệp để thu hút dự án đầu tư thứ cấp với tổng diện tích 111,39 ha (ký hiệu CN-2, CN-3, CN-4, CN-19, CN-20, CN-21, CN-22, CN24, CN25, CN26, CN-27).

- Một (01) khu nhà hành chính dịch vụ trên ô đất có ký hiệu HCDV3.1 diện

tích 1,39 ha, mật độ xây dựng tối đa 40%, tầng cao tối đa 09 tầng.

- Hai (02) khu vực bãi đỗ xe khu công nghiệp (lô đất ký hiệu P-1, P-2) tổng diện tích 1,64ha.

- Di chuyển Đài tưởng niệm anh hùng liệt sĩ về vị trí thuộc khuôn viên khu vực Đình Suối Ngang 2, tạo thành quần thể tín ngưỡng, tâm linh phục vụ nhu cầu tâm linh cho người dân địa phương.

- Hệ thống cây xanh với tổng diện tích 14,92 ha, bao gồm: hệ thống cây xanh dọc các tuyến đường giao thông nội bộ, cây xanh cách ly KCN, cách ly khu vực đài tưởng niệm liệt sĩ, Đình Suối Ngang 2.

1.4.3.2. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

- Hệ thống thoát nước mưa với tổng chiều dài khoảng 13.860 m.

- Hệ thống thu gom và thoát nước thải với tổng chiều dài khoảng 4.100 m.

- Hai (02 bể) bể tách dầu, mỡ 03 ngăn thể tích khoảng 4,5 m³/bể để thu gom nước mưa đợt đầu tại 2 khu vực bãi đỗ xe của KCN.

- Tuyến mương hở phía Bắc phục vụ thoát nước mặt cho KCN.

1.4.4. Các hoạt động của Dự án đầu tư

1.4.4.1. Trong giai đoạn thi công GĐ1

- Bố trí 01 công trường thi công gần nút giao Hồ Sơn dẫn vào Dự án.

- Nắn tuyến đường dây điện 35 kV hiện hữu đoạn qua khu vực quy hoạch Dự án.

- Giải phóng mặt bằng, rà phá bom mìn, san nền, bóc lớp đất bề mặt và thi công xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật của Dự án như nêu tại mục 1.4.1.

- Sinh hoạt của người lao động tại các công trường thi công.

- Vận chuyển nguyên, vật liệu phục vụ thi công.

- Thu gom, phân loại, chuyên giao các loại chất thải phát sinh cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

1.4.4.2. Trong giai đoạn vận hành GĐ1 và thi công GĐ2

a) Tại khu vực vận hành GĐ1

- Hoạt động của các phương tiện giao thông đường bộ ra vào Dự án.

- Hoạt động của khu nhà hành chính dịch vụ và các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp.

- Hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung (01 module công suất thiết kế 4.250 m³/ngày.đêm); hoạt động nạo vét, bảo dưỡng hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải định kỳ.

- Hoạt động vận hành của hệ thống xử lý nước cấp (01 module công suất thiết kế 6.000 m³/ngày.đêm).

b) Tại khu vực thi công GD2

- Bố trí 01 công trường thi công tại điểm đầu khu đất GD2.
- Giải phóng mặt bằng, rà phá bom mìn, san nền, bóc lớp đất bề mặt và thi công xây dựng các công trình hạ tầng của Dự án như nêu tại mục 1.4.2.
- Sinh hoạt của người lao động tại các công trường thi công GD2.
- Hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu phục vụ thi công GD 2.
- Hoạt động thu gom, phân loại, chuyển giao các loại chất thải phát sinh cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

1.4.4.3. Trong giai đoạn vận hành GD1+2 và thi công GD3

a) Tại khu vực vận hành GD1+2

- Hoạt động của các phương tiện giao thông đường bộ ra vào Dự án.
- Hoạt động của khu nhà hành chính dịch vụ và các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong KCN.
- Hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung (02 module, mỗi module công suất thiết kế 4.250 m³/ngày.đêm); hoạt động nạo vét, bảo dưỡng hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải định kỳ.
- Hoạt động vận hành của hệ thống xử lý nước cấp (02 module, mỗi module công suất thiết kế 6.000 m³/ngày.đêm).

b) Tại khu vực thi công GD 3

- Bố trí 02 công trường thi công tại khu vực thi công phía Bắc và phía Nam của KCN.
- Giải phóng mặt bằng, rà phá bom mìn, san nền, bóc lớp đất bề mặt và thi công xây dựng các công trình hạ tầng của Dự án như nêu tại mục 1.4.3 của Quyết định này.
- Sinh hoạt của người lao động tại các công trường thi công GD3.
- Hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu phục vụ thi công GD3.
- Hoạt động thu gom, phân loại, chuyển giao các loại chất thải phát sinh cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

1.4.4.4. Trong giai đoạn vận hành toàn bộ Dự án

- Hoạt động của các phương tiện giao thông đường bộ ra vào Dự án.
- Hoạt động của khu nhà hành chính dịch vụ và các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong KCN.
- Hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung (02 module, mỗi module công suất thiết kế 4.250 m³/ngày.đêm); hoạt động nạo vét, bảo dưỡng hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải định kỳ.
- Hoạt động vận hành của hệ thống xử lý nước cấp (02 module công suất thiết kế 6.000 m³/ngày.đêm/module, 01 module công suất thiết kế 3.500

m³/ngày.đêm).

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Dự án chuyển mục đích sử dụng khoảng 69,09 ha đất trồng lúa nước 02 vụ, là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm đ, khoản 4, Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (viết tắt là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

- Dự án có hoạt động xả nước thải sau xử lý vào nguồn nước mặt sông Thương, là nguồn nước được sử dụng nước cho mục đích cấp nước sinh hoạt, là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Ngoài ra, Dự án yêu cầu di dân, tái định cư tại xã Hồ Sơn với 213 hộ và 904 nhân khẩu; tại xã Hòa Thắng với 230 hộ và 860 nhân khẩu.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường khi thi công GĐ1

- Việc chiếm dụng đất lúa, san lấp một số kênh mương nội đồng có khả năng ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất nông nghiệp, đời sống, việc làm, sinh kế, thu nhập của các hộ dân bị ảnh hưởng.

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng, thi công các hạng mục công trình; vận chuyển nguyên vật liệu và hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, có nguy cơ gây ngập úng, ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường bộ và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy, nổ.

- Hoạt động bóc lớp đất bề mặt diện tích đất trồng lúa trong phạm vi diện tích GĐ1 phát sinh bùn, đất hữu cơ.

- Hoạt động nắn dòng, san lấp suối Vị và suối Ngang có khả năng gây gián đoạn nguồn nước tưới tiêu, ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát lũ.

- Hoạt động nắn tuyến cao thế 35kV hiện hữu đoạn qua khu vực quy hoạch Dự án có khả năng ảnh hưởng tới đời sống, hoạt động sản xuất, kinh doanh, kinh tế, xã hội của người dân trong khu vực.

2.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường khi vận hành GĐ1 và thi công xây dựng GĐ2

- Hoạt động của các phương tiện giao thông đường bộ phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn.

- Hoạt động của khu điều hành dịch vụ và các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong KCN phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

- Hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung phát sinh khí thải gây mùi hôi, bùn thải; hoạt động nạo vét, bảo dưỡng hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải định kỳ phát sinh bùn thải.

- Việc chiếm dụng đất lúa, san lấp một số kênh mương nội đồng có khả năng gây ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất nông nghiệp, đời sống, việc làm, sinh kế, thu nhập của các hộ dân bị ảnh hưởng.

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng, thi công các hạng mục công trình; vận chuyển nguyên vật liệu và hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, có nguy cơ gây ngập úng, ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường bộ và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy, nổ.

- Hoạt động bóc lớp đất bề mặt diện tích đất trồng lúa trong phạm vi diện tích GD2 phát sinh bùn, đất hữu cơ.

- Hoạt động nắn dòng, san lấp suối Vị và suối Ngang có khả năng gây gián đoạn nguồn nước tưới tiêu, ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát lũ.

2.3. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường khi vận hành GD1+2 và thi công xây dựng GD3

- Hoạt động của các phương tiện giao thông đường bộ phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn.

- Hoạt động của khu nhà hành chính dịch vụ và các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

- Hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung (02 module, mỗi module công suất thiết kế 4.250 m³/ngày.đêm) phát sinh khí thải gây mùi hôi, bùn thải; hoạt động nạo vét, bảo dưỡng hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải định kỳ phát sinh bùn thải.

- Hoạt động vận hành của hệ thống xử lý nước cấp (02 module, mỗi module công suất thiết kế 6.000 m³/ngày.đêm) phát sinh bùn thải.

- Việc chiếm dụng đất lúa, san lấp một số kênh mương nội đồng có khả năng gây ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất nông nghiệp, đời sống, việc làm, sinh kế, thu nhập của các hộ dân bị ảnh hưởng.

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng, thi công các hạng mục công trình; vận chuyển nguyên vật liệu và hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, có nguy cơ gây ngập úng, ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường bộ và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy, nổ.

- Hoạt động bóc lớp đất bề mặt diện tích đất trồng lúa trong phạm vi diện

tích GD3 phát sinh bùn, đất hữu cơ.

2.4. *Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường khi vận hành toàn bộ Dự án*

- Hoạt động của các phương tiện giao thông đường bộ phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn.

- Hoạt động của khu nhà hành chính dịch vụ và các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

- Hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung (02 module, mỗi module công suất thiết kế 4.250 m³/ngày.đêm) phát sinh khí thải gây mùi hôi, bùn thải; hoạt động nạo vét, bảo dưỡng hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải định kỳ phát sinh bùn thải.

- Hoạt động vận hành của hệ thống xử lý nước cấp (02 module công suất thiết kế 6.000 m³/ngày.đêm/module, 01 module công suất thiết kế 3.500 m³/ngày.đêm) phát sinh bùn thải.

3. *Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư*

3.1. *Nước thải, khí thải*

3.1.1. *Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải*

3.1.1.1. *Trong giai đoạn thi công xây dựng GD1*

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân trong quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình Giai đoạn 1 của Dự án với lưu lượng khoảng 13,5 m³/ngày.đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, Amoni, Nitrat, Phosphat, dầu mỡ động, thực vật, Coliform.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công với lưu lượng khoảng 8,67m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, đất, cát, chất hoạt động bề mặt.

3.1.1.2. *Trong giai đoạn vận hành GD1 và thi công xây dựng GD2*

- Nước thải sinh hoạt phát sinh tại các khu nhà hành chính dịch vụ của KCN với lưu lượng khoảng 324 m³/ngày.đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: các chất cặn bã, các chất lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N,P), Coliform.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công với lưu lượng khoảng 5,11 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, đất, cát, chất hoạt động bề mặt.

- Nước thải sinh hoạt và công nghiệp phát sinh từ các dự án, cơ sở thứ cấp trong KCN GD1 với lưu lượng khoảng 1.837,35 m³/ngày.đêm. Thành phần, tính chất nước thải phụ thuộc vào loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án,

cơ sở.

3.1.1.3. Trong giai đoạn vận hành GD1+2 và thi công xây dựng GD3

- Nước thải sinh hoạt tại các khu nhà hành chính dịch vụ của KCN phát sinh với lưu lượng khoảng 599,4 m³/ngày.đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: các chất cặn bã, các chất lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N,P), Coliform.

- Nước thải sinh hoạt và công nghiệp phát sinh từ các dự án, cơ sở thứ cấp trong KCN GD1+2 với lưu lượng khoảng 4.742,85 m³/ngày.đêm. Thành phần, tính chất nước thải phụ thuộc vào loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án, cơ sở.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công với lưu lượng khoảng 2,99 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, đất, cát, chất hoạt động bề mặt.

3.1.1.4. Trong giai đoạn vận hành toàn bộ dự án

- Nước thải sinh hoạt tại các khu nhà hành chính dịch vụ của KCN phát sinh với lưu lượng khoảng 749,52 m³/ngày.đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: các chất cặn bã, các chất lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N,P), Coliform.

- Nước thải sinh hoạt và công nghiệp phát sinh từ các dự án, cơ sở thứ cấp trong toàn bộ KCN với lưu lượng khoảng 6.413,7 m³/ngày.đêm. Thành phần, tính chất nước thải phụ thuộc vào loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án, cơ sở.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải

3.1.2.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng GD1

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động san lấp mặt bằng, thi công các hạng mục, công trình hạ tầng kỹ thuật và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, phế thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO_x, SO₂.

- Hoạt động hàn phát sinh khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: CO, NO_x, hơi hàn.

- Quá trình trải nhựa mặt đường nội bộ KCN phát sinh hơi nhựa đường.

3.1.2.2. Trong giai đoạn vận hành GD1 và thi công xây dựng GD2

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong KCN. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO_x, SO₂.

- Mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN. Thông số ô nhiễm đặc trưng: CH₄, NH₃, H₂S.

- Bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất của các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong KCN có thành phần, tính chất phụ thuộc vào loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án, cơ sở.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, NO_x, CO, SO₂.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động san lấp mặt bằng, thi công các hạng mục, công trình hạ tầng kỹ thuật và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, phế thải GD2. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO_x, SO₂.

- Hoạt động hàn phát sinh khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: CO, NO_x, hơi hàn.

- Quá trình trải nhựa mặt đường nội bộ KCN phát sinh hơi nhựa đường.

3.1.2.3. Trong giai đoạn vận hành GD1+2 và thi công xây dựng GD3

Thành phần, tính chất phát sinh các loại bụi, khí thải như đánh giá tại mục 3.1.2.2 nêu trên.

3.1.2.4. Trong giai đoạn vận hành tổng thể Dự án

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong KCN. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO_x, SO₂.

- Mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN. Thông số ô nhiễm đặc trưng: CH₄, NH₃, H₂S.

- Bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất của các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong KCN có thành phần, tính chất phụ thuộc vào loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án, cơ sở.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, NO_x, CO, SO₂.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường và chất thải rắn sinh hoạt

3.2.1.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng GD1

- Chất thải rắn thông thường từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng với tổng khối lượng khoảng 2.205 tấn. Thành phần chủ yếu: Cành, lá, rễ cây.

- Chất thải rắn thông thường từ hoạt động phá dỡ các công trình kiến trúc hiện trạng với khối lượng khoảng 2.400 tấn. Thành phần chủ yếu: Gạch đá, bê tông, sắt, thép.

- Đất hữu cơ từ quá trình bóc tách tầng mặt đất trồng lúa với khối lượng khoảng 90.980 m³.

- Chất thải rắn xây dựng từ hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của GD1 khoảng 12 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu: gạch đá, bê tông, sắt thép vụn.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của công nhân xây dựng phát sinh khoảng 120 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: Các loại bao bì, vỏ chai lọ, thức ăn thừa.

- Quá trình phá dỡ công trình nhà ở của người dân phát sinh bùn hầm cầu.

3.2.1.2. Trong giai đoạn vận hành GD1 và thi công xây dựng GD2

a) Tại khu vực vận hành GD1

- Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, người lao động tại các khu nhà hành chính dịch vụ, khu vực nhà máy xử lý nước thải, nhà máy xử lý nước cấp phát sinh với khối lượng khoảng 4.420 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: Thức ăn thừa, vỏ hoa quả, túi ni lông, vỏ chai, bìa các tông, giấy vụn, thủy tinh.

- Bùn thải từ hoạt động của nhà máy xử lý nước cấp với khối lượng khoảng 274 kg/ngày.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong KCN. Khối lượng và thành phần phụ thuộc vào loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án, cơ sở.

b) Tại khu vực thi công xây dựng GD2

- Chất thải rắn thông thường từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng với tổng khối lượng khoảng 2.616 tấn. Thành phần chủ yếu: Cành, lá, rễ cây.

- Chất thải rắn thông thường từ hoạt động phá dỡ các công trình kiến trúc hiện trạng với khối lượng khoảng 2.960 tấn. Thành phần chủ yếu: Gạch đá, bê tông, sắt, thép.

- Đất hữu cơ từ quá trình bóc tách tầng mặt đất trồng lúa với khối lượng khoảng 68.000 m³.

- Chất thải rắn xây dựng từ hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của GD2 khoảng 12 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu là: gạch đá, bê tông, sắt thép vụn.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của công nhân xây dựng phát sinh khoảng 120 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: Các loại bao bì, vỏ chai lọ, thức ăn thừa.

- Quá trình phá dỡ công trình nhà ở của người dân phát sinh bùn hầm cầu.

3.2.1.3. Trong giai đoạn vận hành GD1+2 và thi công xây dựng GD3

a) Tại khu vực vận hành GD1+2

- Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, người lao động tại các khu nhà hành chính dịch vụ, khu vực nhà máy xử lý nước thải, nhà máy xử lý nước cấp phát sinh với khối lượng khoảng 11.570 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Thức ăn thừa, vỏ hoa quả, túi ni lông, vỏ chai, bìa các tông, giấy vụn, thủy tinh.

- Bùn thải từ hoạt động của nhà máy xử lý nước cấp với khối lượng khoảng 548 kg/ngày.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong KCN. Khối lượng và thành phần phụ thuộc vào loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án, cơ sở.

b) Tại khu vực thi công xây dựng GD3

- Chất thải rắn thông thường từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng với tổng khối

lượng khoảng 1.781 tấn. Thành phần chủ yếu: Cành, lá, rễ cây.

- Chất thải rắn thông thường từ hoạt động phá dỡ các công trình kiến trúc hiện trạng với khối lượng khoảng 1.728 tấn. Thành phần chủ yếu: Gạch đá, bê tông, sắt, thép.

- Đất hữu cơ từ quá trình bóc tách tầng mặt đất trồng lúa với khối lượng tổng cộng khoảng 52.000 m³.

- Chất thải rắn xây dựng từ hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án phát sinh khối lượng khoảng 8,99 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu là: gạch đá, bê tông, sắt thép vụn.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của công nhân xây dựng phát sinh khoảng 80 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: Các loại bao bì, vỏ chai lọ, thức ăn thừa.

- Quá trình phá dỡ công trình nhà ở của người dân phát sinh bùn hầm cầu.

3.2.1.4. Trong giai đoạn vận hành toàn bộ Dự án

- Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, người lao động tại các khu nhà hành chính dịch vụ, khu vực nhà máy xử lý nước thải, nhà máy xử lý nước cấp phát sinh với khối lượng khoảng 15.600 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Thức ăn thừa, vỏ hoa quả, túi ni lông, vỏ chai, bìa các tông, giấy vụn, thủy tinh.

- Bùn thải từ hoạt động của nhà máy xử lý nước cấp với khối lượng khoảng 708 kg/ngày.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong KCN. Khối lượng và thành phần phụ thuộc vào loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án, cơ sở.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

3.2.2.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng GĐ1

Chất thải nguy hại từ hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình GĐ1 phát sinh khoảng 60 kg/tháng. Thành phần chủ yếu: giẻ lau dính dầu, dầu thải, thùng chứa sơn, bóng đèn huỳnh quang thải, ắc quy hỏng.

3.2.2.2. Trong giai đoạn vận hành GĐ1 và thi công xây dựng GĐ2

a) Tại khu vực vận hành GĐ1

- Chất thải nguy hại từ hoạt động của khu nhà hành chính dịch vụ, nhà máy xử lý nước thải, nhà máy xử lý nước cấp phát sinh khoảng 306 kg/tháng. Thành phần chủ yếu: giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in thải, bao bì có dính chất thải nguy hại.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung phát sinh khoảng 648 kg/ngày đêm.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong KCN. Khối lượng và thành phần phụ thuộc vào loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án, cơ sở.

b) Tại khu vực thi công xây dựng GD2

Chất thải nguy hại từ hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình GD2 phát sinh khoảng 65 kg/tháng. Thành phần chủ yếu: giẻ lau dính dầu, dầu thải, thùng chứa sơn, bóng đèn huỳnh quang thải, ắc quy hỏng.

3.2.2.3. Trong giai đoạn vận hành GD1+2 và thi công xây dựng GD3

a) Tại khu vực vận hành giai GD1+2

- Chất thải nguy hại từ hoạt động của khu nhà hành chính dịch vụ, nhà máy xử lý nước thải, nhà máy xử lý nước cấp phát sinh khoảng 678 kg/tháng. Thành phần chủ yếu: giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in thải, bao bì có dính chất thải nguy hại.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung phát sinh khoảng 1.602 kg/ngày đêm.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong KCN. Khối lượng và thành phần phụ thuộc vào loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án, cơ sở.

b) Tại khu vực thi công xây dựng GD3

Chất thải nguy hại từ hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình GD3 phát sinh khoảng 55 kg/tháng. Thành phần chủ yếu: giẻ lau dính dầu, dầu thải, thùng chứa sơn, bóng đèn huỳnh quang thải, ắc quy hỏng.

3.2.2.4. Trong giai đoạn vận hành toàn bộ Dự án

- Chất thải nguy hại từ hoạt động của khu nhà hành chính dịch vụ, nhà máy xử lý nước thải, nhà máy xử lý nước cấp phát sinh khoảng 917 kg/tháng. Thành phần chủ yếu: giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in thải, bao bì có dính chất thải nguy hại.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung phát sinh khoảng 2.148 kg/ngày đêm.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong KCN. Khối lượng và thành phần phụ thuộc vào loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án, cơ sở.

3.3. Tiếng ồn và độ rung

3.3.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng GD1

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện, thiết bị thi công xây dựng và phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, phế thải.

3.3.2. Trong giai đoạn vận hành GD1 và thi công xây dựng GD2

3.3.2.1. Tại khu vực vận hành GD1

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào KCN.

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động sản xuất của các cơ sở, dự án đầu

tư thứ cấp trong KCN.

- Tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng, vận hành nhà máy xử lý nước cấp, hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.3.2.2. Tại khu vực thi công xây dựng GD2

Tương tự mục 3.3.1.

3.3.3. Trong giai đoạn vận hành GD1+2 và thi công xây dựng GD3

3.3.3.1. Tại khu vực vận hành GD1+2

Tương tự mục 3.3.2.1.

3.3.3.2. Tại khu vực thi công xây dựng GD3

Tương tự mục 3.3.1.

3.3.4. Trong giai đoạn vận hành toàn bộ Dự án

Tương tự mục 3.3.2.1.

3.4. Các tác động khác

3.4.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng GD1

- Hoạt động chiếm dụng đất trồng lúa nước, đất rừng sản xuất, đất ở gây ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất nông nghiệp, đời sống, việc làm, sinh kế, thu nhập của các hộ dân bị ảnh hưởng.

- Hoạt động nắn, san lấp suối Vị và suối Ngang hiện trạng phía Nam Dự án có khả năng gây gián đoạn nguồn nước tưới tiêu, ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát lũ của khu vực.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá thải, phế thải có nguy cơ gây ngập úng, ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường bộ và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy, nổ.

- Nước mưa chảy tràn phát sinh tại khu vực thi công GD1 với lưu lượng theo trận mưa lớn nhất khoảng 16,25 m³/s. Nước mưa cuốn theo đất, cát có nguy cơ ô nhiễm nguồn nước mặt tiếp nhận nếu không áp dụng các giải pháp giảm thiểu.

3.4.2. Trong giai đoạn vận hành GD1 và thi công xây dựng GD2

- Hoạt động chiếm dụng đất trồng lúa nước, đất rừng sản xuất, đất ở gây ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất nông nghiệp, đời sống, việc làm, sinh kế, thu nhập của các hộ dân bị ảnh hưởng.

- Hoạt động nắn, san lấp suối Vị và suối Ngang hiện trạng phía Nam Dự án có khả năng gây gián đoạn nguồn nước tưới tiêu, ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát lũ của khu vực.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá thải, phế thải có nguy cơ gây ngập úng, ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường bộ và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn

giao thông, cháy, nổ.

- Hoạt động xả nước thải sau xử lý ra sông Thương có khả năng tác động tiêu cực đến chất lượng nước nguồn tiếp nhận nếu không được thu gom xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật.

- Nước mưa chảy tràn phát sinh với lưu lượng theo trận mưa lớn nhất khoảng 31,29 m³/s trong khu vực vận hành GD1 và khoảng 20,32 m³/s trong khu vực thi công xây dựng GD2. Nước mưa cuốn theo đất, cát có nguy cơ ô nhiễm nguồn nước mặt tiếp nhận nếu không áp dụng các giải pháp giảm thiểu.

- Tác động bởi sự cố: cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố hóa chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung, sự cố thiên tai.

3.4.3. Trong giai đoạn vận hành GD1+2 và thi công xây dựng GD3

- Hoạt động chiếm dụng đất trồng lúa nước, đất trồng rừng sản xuất, đất ở gây ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất nông nghiệp, đời sống, việc làm, sinh kế, thu nhập của các hộ dân bị ảnh hưởng.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá thải, phế thải có nguy cơ gây ngập úng, ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường bộ và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy, nổ.

- Hoạt động xả nước thải sau xử lý ra sông Thương có khả năng gây ngập úng, tác động tiêu cực đến chất lượng nước nguồn tiếp nhận, ảnh hưởng đến đối tượng sử dụng nước tại hạ lưu (nhà máy nước Bắc Giang) nếu nước thải không được thu gom xử lý đạt quy chuẩn hiện hành.

- Nước mưa chảy tràn phát sinh với lưu lượng theo trận mưa lớn nhất khoảng 39,12 m³/s trong khu vực vận hành GD1+2; khoảng 12,17 m³/s trong khu vực thi công xây dựng GD3.

- Tác động bởi sự cố: cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố hóa chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung, sự cố thiên tai.

3.4.4. Trong giai đoạn vận hành toàn bộ Dự án

- Hoạt động xả nước thải sau xử lý ra sông Thương có khả năng gây ngập úng, tác động tiêu cực đến chất lượng nước nguồn tiếp nhận, ảnh hưởng đến đối tượng sử dụng nước tại hạ lưu (nhà máy nước Bắc Giang) nếu nước thải không được thu gom xử lý đạt quy chuẩn hiện hành.

- Nước mưa chảy tràn đợt đầu (tính cho khoảng 15 phút đầu) tại khu vực bãi đỗ xe (P1, P2) với lưu lượng khoảng 7,51 m³/ngày có nguy cơ nhiễm bẩn, gây tác động xấu đến môi trường tiếp nhận nếu không áp dụng các giải pháp giảm thiểu.

- Hoạt động tiêu, thoát nước mưa chảy tràn, thoát lũ trong khu vực Dự án có nguy cơ ngập úng cục bộ khi công trình hoàn trả bị hư hỏng.

- Tác động bởi sự cố: cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố hóa chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung, sự cố thiên tai.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

4.1.1.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng GD1

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí khoảng 05 nhà vệ sinh di động tại khu vực lán trại, mỗi nhà vệ sinh có 01 bể chứa nước thải dung tích khoảng 1,5 m³ để thu gom nước thải sinh hoạt. Nước thải và bùn từ nhà vệ sinh di động được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ theo đúng quy định.

Quy trình thực hiện: Nước thải sinh hoạt → Nhà vệ sinh di động → Đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị, dụng cụ thi công và rửa phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường được thu gom dẫn vào hố thu có kết hợp lắng cặn, tách dầu mỡ đặt tại khu vực cầu rửa xe gần cổng ra vào công trường. Hố thu nước thải có dung tích khoảng 9,0 m³ để lắng cặn chất rắn lơ lửng như bùn, đất bám dính vào xe. Sau khi lắng cặn và tách dầu, lượng nước này được sử dụng để rửa xe, vệ sinh máy móc thiết bị thi công, làm ẩm các khu vực thi công, không thải ra ngoài môi trường.

Quy trình xử lý: Nước thải từ hoạt động vệ sinh phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công → Hố thu (có tách dầu, lắng cặn) → nước sau khi được lắng cặn, tách dầu → tái sử dụng để rửa xe, làm ẩm.

4.1.1.2. Trong giai đoạn vận hành GD1 và thi công xây dựng GD2

a) Hoạt động vận hành GD1

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải của GD1 bằng đường ống HDPE có kích thước D160 mm ÷ D800 mm với tổng chiều dài khoảng 18.680 m để thu gom nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành GD1 được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1 (module số 1 có công suất 4.250 m³/ngày.đêm) để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, K_q=0,9; K_f= 0,9) trước khi xả ra môi trường. Module số 1 công suất thiết kế 4.250 m³/ngày.đêm (có 02 line xử lý sinh học hoạt động song song). Theo thiết kế, module này có quy trình công nghệ xử lý linh hoạt theo 01 trong 02 lưu trình tương ứng với nồng độ một số thông số ô nhiễm trong nước thải đầu vào tại bể điều hoà. Cụ thể:

(1) Lưu trình 1 (Xử lý sinh học trước và hóa lý sau):

Nước thải → Tách rác → Bể tách cát/dầu mỡ → Bể điều hoà → Bể trung gian 1 → Bể thiếu khí (02 bể) → Bể hiếu khí (02 bể) → Bể lắng sinh học (02 bể) → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Bể chỉ thị sinh học (nuôi cá) → Sông Thương.

(2) Lưu trình 2 (Xử lý hóa lý trước và sinh học sau):

Nước thải → Tách rác → Bể tách cát/dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể trung gian 2 → Bể trung gian 1 → Bể thiếu khí (02 bể) → Bể hiếu khí (02 bể) → Bể lắng sinh học (02 bể) → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Bể chỉ thị sinh học (nuôi cá) → Sông Thương.

Việc áp dụng lưu trình xử lý được căn cứ theo nồng độ thông số COD và TSS trong nước thải đầu vào (dựa trên kết quả quan trắc tự động, liên tục nước thải đầu vào và kết quả phân tích tại phòng thí nghiệm của Chủ dự án) như sau:

+ Khi nồng độ thông số của cả COD < 450mg/l và TSS < 150mg/l, áp dụng xử lý theo lưu trình 1.

+ Khi nồng độ thông số COD trong khoảng $450\text{mg/l} \leq \text{COD} \leq 600\text{mg/l}$ hoặc nồng độ thông số TSS trong khoảng $150\text{mg/l} \leq \text{TSS} \leq 400\text{mg/l}$, áp dụng xử lý theo lưu trình 2.

+ Khi nồng độ thông số COD > 600mg/l hoặc nồng độ thông số TSS > 400mg/l (hoặc có thông số khác vượt Tiêu chuẩn VSIP được phát hiện), Chủ dự án áp dụng quy trình ứng phó sự cố. Theo đó, nước thải được bơm và lưu chứa tại hồ sự cố; bổ sung dòng nước thải đầu vào hoặc bơm thêm nước cấp để đưa nồng độ các thông số ô nhiễm này về ngưỡng thiết kế của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Nước thải sau khi ổn định nồng độ, đáp ứng yêu cầu được bơm về hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

b) Hoạt động thi công xây dựng GD2

Thực hiện tương ứng như mục 4.1.1.1 trên phần diện tích GD2.

4.1.1.3. Trong giai đoạn vận hành GD1+2 và thi công xây dựng GD3

a) Hoạt động vận hành GD1+2

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải của Dự án bằng đường ống HDPE có kích thước D160 mm ÷ D800 mm với tổng chiều dài khoảng 28.080 m để thu gom nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Hệ thống xử lý nước thải: Bổ sung thêm module số 2 có công suất, công nghệ, thiết kế, quy trình vận hành như module số 1 nêu trên; nâng tổng công suất hệ thống xử lý nước thải tập trung lên 8.500 m³/ngày.đêm

Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung thực hiện như mục 4.1.1.2.

b) Hoạt động thi công xây dựng GD3

Thực hiện tương ứng như mục 4.1.1.1 trên phần diện tích GD3.

4.1.1.4. Trong giai đoạn vận hành toàn bộ Dự án

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải của Dự án bằng đường ống HDPE có kích thước D160 mm ÷ D800 mm với tổng chiều dài khoảng 32.180 m để thu gom nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Tiếp tục duy trì, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 8.500 m³/ngày.đêm đã được đầu tư xây dựng như đã nêu tại mục 4.1.1.3.

4.1.1.5. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải thi công xây dựng phát sinh trong các giai đoạn thi công xây dựng từng giai đoạn của Dự án đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

- Xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống thu gom nước thải và hệ thống xử lý nước thải tập trung phù hợp với tiến độ lắp đặt và hoạt động của các cơ sở thứ cấp trong KCN, đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ các nguồn nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$) trước khi xả ra sông Thương. Không được phép xả thải trong trường hợp xảy ra sự cố với trạm xử lý nước thải tập trung hoặc nước thải sau xử lý không đạt quy định.

- Thực hiện kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải tập trung luôn vận hành bình thường; việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung theo quy định.

- Lắp đặt hai (02) hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đối với nước thải trước và sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung, có camera theo dõi, thiết bị lấy mẫu nước thải tự động, truyền số liệu trực tiếp đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn theo đúng quy định. Các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục tại đầu ra bao gồm: lưu lượng nước thải, pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.

- Xây dựng, vận hành hệ thống hồ sự cố có khả năng quay vòng xử lý lại nước thải, đảm bảo không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Xây dựng công trình bể chỉ thị sinh học (trong đó có nuôi một số loại cá đang có tại khu vực sông Thương tiếp nhận nước thải) để kiểm chứng tác động từ nước thải đến các loài sinh vật trên sông Thương; nước thải được lưu thông thường xuyên trong bể chỉ thị sinh học và được lấy từ nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung; lắp camera theo dõi và truyền hình ảnh bể chỉ thị sinh học về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn để giám sát và công khai, minh bạch công tác xử lý nước thải tại Dự án.

- Thiết lập hệ thống kiểm soát các nguồn nước thải đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN, bảo đảm kiểm soát được nồng độ các thông số ô nhiễm của nước thải từ dự án, cơ sở thứ cấp trước khi đầu nối.

- Thỏa thuận với chủ cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong KCN về trách nhiệm xử lý sơ bộ nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung; điều kiện được tiếp nhận và tạm dừng tiếp nhận nước thải từ cơ sở thứ cấp về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án thông qua văn bản thỏa thuận.

- Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung (Tiêu chuẩn VSIP) như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Tiêu chuẩn VSIP
1	Nhiệt độ	⁰ C	40
2	pH	-	6 – 9
3	Màu sắc	Pt - Co	40
4	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	400
5	COD	mg/l	600
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	400
7	Asen	mg/l	0,05
8	Thủy ngân	mg/l	0,005
9	Chì	mg/l	0,1
10	Cadimi	mg/l	0,05
11	Crom (VI)	mg/l	0,05
12	Crom (III)	mg/l	0,2
13	Đồng	mg/l	2
14	Kẽm	mg/l	3
15	Niken	mg/l	0,2
16	Mangan	mg/l	0,5
17	Sắt	mg/l	1
18	Thiếc	mg/l	-
19	Tổng Xianua	mg/l	0,07
20	Tổng Phenol	mg/l	0,1
21	Tổng Dầu mỡ khoáng	mg/l	5
22	Dầu mỡ, động thực vật	mg/l	16
23	Clo dư	mg/l	1
24	Tổng PCB	mg/l	0,003
25	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,3
26	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/l	0,05
27	Sunfua	mg/l	0,2
28	Florua	mg/l	5
29	Clorua	mg/l	500
30	Amoni (tính theo N)	mg/l	8
31	Tổng Nitơ	mg/l	20
32	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	5
33	Coliform	MPN/100ml	5000
34	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
35	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1

- Nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải, lưu lượng xả thải như sau:
- + Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Thương.
- + Vị trí xả nước thải: X= 2374754, Y=407586 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}15'$, múi chiều 3°).
- + Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $8.500 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.
- + Phương thức xả thải: Nước thải sau xử lý được dẫn ra mương quan trắc chảy vào điểm cuối suối Ngang hiện trạng sau đó thoát ra sông Thương theo phương thức tự chảy, xả mặt, liên tục.
- + Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$) trong toàn bộ các giai đoạn của Dự án.

4.1.2. Về xử lý bụi, khí thải

4.1.2.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng GD1

- Xây dựng kế hoạch và lịch trình thi công phù hợp; tổ chức các đội chuyên trách thu dọn các vật liệu rơi vãi tại xung quanh khu vực công trường và các khu vực phụ cận.

- Sử dụng phương tiện vận chuyển được đăng kiểm theo quy định; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, không để rơi vãi vật liệu trong quá trình vận chuyển; không chở quá tải trọng cho phép.

- Lắp đặt tường rào tôn cao 2-3 m xung quanh vị trí thi công gần các khu vực có người dân sinh sống và đường giao thông; che phủ bạt đối với các bãi chứa đất hữu cơ và tất cả các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất thải, phế thải.

- Sử dụng phương tiện thi công dùng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; bố trí cầu rửa xe để rửa sạch bánh xe trước khi ra khỏi công trường; phun ẩm bề mặt trước khi đào đắp các công trình xây dựng với tần suất 01 lần/ngày, tăng tần suất trong mùa khô; phun nước làm ẩm khu vực tập kết nguyên vật liệu trước và sau quá trình tập kết.

- Khu vực tập kết nguyên vật liệu có khả năng phát tán bụi phải được che phủ.

4.1.2.2. Trong giai đoạn vận hành GD1 và thi công xây dựng GD2

a) Hoạt động vận hành GD1

- Thực hiện vệ sinh, phun, tưới nước cho các tuyến đường giao thông nội bộ trong khuôn viên KCN; quét dọn, thu gom vật liệu, đất rơi vãi với tần suất tối thiểu 01 lần/ngày.

- Khí thải phát sinh từ các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp do các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp tự xử lý theo các hồ sơ môi trường được phê duyệt, cấp phép.

- Đối với mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: Lắp đặt, vận

hành một (01) hệ thống thu gom và xử lý mùi công suất 8.000 m³/h.

+ Quy trình thu gom, xử lý mùi như sau: Khí thải (mùi) từ hệ thống xử lý nước thải → quạt hút (công suất 8.000 m³/h) → tháp hấp thụ bằng dung dịch NaOH → tháp hấp phụ than hoạt tính → thoát ra môi trường.

+ Quy chuẩn áp dụng: Khí thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung sau khi xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B; K_p=1,0; K_v=1,0) đối với các thông số Amoniac, các hợp chất amoni, H₂S được đẩy vào môi trường qua ống thoát khí.

b) Hoạt động thi công xây dựng GD2

Thực hiện như mục 4.1.2.1 nêu trên cho khu vực thi công xây dựng GD2.

4.1.2.3. Trong giai đoạn vận hành GD1+2 và thi công xây dựng GD3

a) Hoạt động vận hành GD1+2

- Thực hiện như mục 4.1.2.2 (a) nêu trên.

- Lắp đặt bổ sung 01 hệ thống xử lý mùi module xử lý nước thải số 2 với quy mô, công suất, quy trình công nghệ tương tự với hệ thống xử lý mùi đã lắp đặt, vận hành.

b) Hoạt động thi công xây dựng GD3

Thực hiện như mục 4.1.2.1 nêu trên cho khu vực thi công xây dựng GD3.

4.1.2.4. Trong giai đoạn vận hành toàn bộ Dự án

Tiếp tục duy trì thực hiện các giải pháp, vận hành công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải như tại mục 4.1.2.3 (a) nêu trên.

4.1.2.5. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện việc trồng cây xanh đảm bảo diện tích đất cây xanh tối thiểu đạt 10% tổng diện tích đất KCN. Đối với các khu vực gần khu dân cư phải bố trí trồng dải cây xanh cách ly theo quy hoạch được duyệt. Không bố trí các dự án thứ cấp có phát sinh bụi, khí thải, mùi khó chịu ở các lô đất công nghiệp tại ranh giới Dự án tiếp giáp với khu dân cư.

- Tại khu vực tập kết tạm rác thải, các thùng chứa rác thải được vệ sinh và phun chế phẩm khử mùi hàng ngày.

- Các hố ga được thiết kế có nắp đậy kín bên trên và được nạo vét thu gom bùn, bảo trì các thiết bị.

- Máy phát điện dự phòng sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp (0,001%) để giảm thiểu lượng phát thải SO₂; bố trí vị trí phòng đặt máy phát điện dự phòng đảm bảo khoảng cách ly với các khu vực khác.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung được xây dựng khép kín, đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường theo quy định. Hành lang cây xanh cách ly hệ thống xử lý nước thải tập trung phải đáp ứng QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn

kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Giám sát, yêu cầu cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp đầu tư trong KCN phải xử lý bụi và khí thải đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo thủ tục môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, cấp phép riêng cho từng cơ sở, dự án.

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

4.2.1.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng GD1

- Trang bị công trường thi công khoảng từ 05-07 thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích khoảng 120-240 lít, đảm bảo thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh; hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý định kỳ theo đúng quy định.

- Đối với chất thải rắn thông thường khác:

+ Các loại chất thải rắn, phế liệu còn giá trị sử dụng được bán cho đơn vị tái chế, tái sử dụng theo quy định.

+ Các loại chất thải rắn không thể tận dụng trong quá trình san lấp, bùn bê phốt được thu gom, hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

+ Đất bóc bề mặt đất trồng lúa khoảng 90.980 m³ được lưu chứa tại các khu vực bố trí khuôn viên cây xanh, cảnh quan GD1 có diện tích khoảng 300.306 m². Khu vực tạm chứa đất bóc bề mặt bố trí bờ bao cao hơn cốt nền san lấp nhằm ngăn đất lưu chứa chảy tràn khu vực xung quanh; được phun ẩm, che phủ để giảm thiểu phát sinh bụi. Toàn bộ đất bóc được sử dụng cho các khu đất trồng cây xanh trong GD1.

4.2.1.2. Trong giai đoạn vận hành GD1 và thi công xây dựng GD2

a) Hoạt động vận hành GD1

- Bố trí các thùng rác chuyên dụng có nắp đậy, dung tích từ 120-140 lít, đảm bảo thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động tại khu nhà hành chính dịch vụ, khu vực nhà máy xử lý nước thải, khu vực nhà máy xử lý nước cấp, khu vực đường giao thông, cây xanh. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, đưa đi xử lý định kỳ theo đúng quy định.

- Chất thải rắn thông thường từ hệ thống xử lý nước thải tập trung, nhà máy xử lý nước cấp được thu gom, lưu giữ tạm thời tại khu lưu giữ chất thải thông thường có diện tích khoảng 16 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Bùn thải từ nhà máy xử lý nước cấp được thu gom về bể nén bùn để ổn định sau đó qua máy ép bùn (hoặc sân phơi bùn) để giảm độ ẩm và thể tích trước khi được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp

trong KCN do các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Hoạt động thi công xây dựng GD2

- Tiếp tục duy trì thực hiện các giải pháp phân loại, thu gom, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn thông thường như đã nêu tại mục 4.2.1.1.

- Đất bóc bề mặt đất trồng lúa khoảng 68.000 m³ được lưu chứa tại các khu vực bố trí khuôn viên cây xanh, cảnh quan GD2 có diện tích khoảng 224.454 m². Khu vực tạm chứa đất bóc bề mặt bố trí bờ bao cao hơn cốt nền san lấp nhằm ngăn đất lưu chứa chảy tràn khu vực xung quanh; được phun ẩm, che phủ để giảm thiểu phát sinh bụi. Toàn bộ đất bóc được sử dụng cho các khu đất trồng cây xanh trong GD2.

4.2.1.3. Trong giai đoạn vận hành GD1+2 và thi công xây dựng GD3

a) Hoạt động vận hành GD1+2

Tiếp tục duy trì, vận hành các biện pháp, công trình thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường như đã nêu tại mục 4.2.1.2 (a).

b) Hoạt động thi công xây dựng giai đoạn 3 của Dự án

- Tiếp tục duy trì thực hiện các giải pháp phân loại, thu gom, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn thông thường như đã nêu tại mục 4.2.1.1.

- Đất bóc bề mặt đất trồng lúa khoảng 52.000 m³ được lưu chứa tại các khu vực bố trí khuôn viên cây xanh, cảnh quan GD3 có diện tích khoảng 171.641 m². Khu vực tạm chứa đất bóc bề mặt bố trí bờ bao cao hơn cốt nền san lấp nhằm ngăn đất lưu chứa chảy tràn khu vực xung quanh; được phun ẩm, che phủ để giảm thiểu phát sinh bụi. Toàn bộ đất bóc được sử dụng cho các khu đất trồng cây xanh trong GD3.

4.2.1.4. Trong giai đoạn vận hành toàn bộ Dự án

Tiếp tục duy trì, vận hành các biện pháp, công trình thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường như đã nêu tại mục 4.2.1.2 (a).

4.2.1.5. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thực hiện phân định, phân loại, giám sát và quản lý chặt chẽ, bảo đảm toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường phát sinh được thu gom, lưu chứa và xử lý đáp ứng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT), quy định của tỉnh Lạng Sơn và các quy định có liên quan.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

4.2.2.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng GD1

- Các loại chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và chứa tại các thùng

chứa dung tích khoảng 60-120 lít, có nắp đậy, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường; sau đó tập kết về kho lưu giữ chất thải nguy hại tạm thời tại công trường diện tích khoảng 10 m² (công trình được tháo dỡ sau khi kết thúc thi công).

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại phải xây dựng đúng quy cách, bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có dán nhãn và dấu hiệu cảnh báo theo quy định; hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

4.2.2.2. Trong giai đoạn vận hành GD1 và thi công xây dựng GD2

a) Hoạt động vận hành GD1

- Chất thải nguy hại phát sinh từ khu nhà hành chính dịch vụ, hệ thống xử lý nước thải tập trung, nhà máy xử lý nước cấp được thu gom, phân loại và lưu giữ tạm thời tại 02 kho lưu chứa chất thải nguy hại tổng diện tích khoảng 42 m² (01 kho đặt tại hệ thống xử lý nước thải tập trung diện tích khoảng 16 m² và 01 kho đặt tại nhà máy xử lý nước cấp diện tích khoảng 26 m²). Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung được quản lý như sau: Bùn thải (hóa lý và sinh học) → bể nén bùn → máy ép bùn (hoặc sân phơi bùn) → chuyển giao cho đơn vị chức năng xử lý.

Bùn thải được thu gom lưu giữ tạm thời tại khu vực lưu giữ có diện tích khoảng 500 m²; hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong KCN do các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Hoạt động thi công xây dựng GD2

Tiếp tục thực hiện các giải pháp như đã nêu tại mục 4.2.2.1 (a).

4.2.2.3. Trong giai đoạn vận hành GD1+2 và thi công xây dựng GD3

a) Hoạt động vận hành GD1+2

- Tiếp tục duy trì, vận hành các biện pháp, công trình thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại như đã nêu tại mục 4.2.2.2 (a).

- Xây dựng thêm khu vực lưu giữ bùn thải diện tích khoảng 630 m².

b) Hoạt động thi công xây dựng GD3

Tiếp tục thực hiện các giải pháp như đã nêu tại mục 4.2.2.1 (a).

4.2.2.4. Trong giai đoạn vận hành toàn bộ Dự án

Tiếp tục duy trì, vận hành các biện pháp, công trình thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại như đã nêu tại mục 4.2.2.2 (a).

4.2.2.5. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thực hiện phân định, phân loại, giám sát và quản lý chặt chẽ, bảo đảm toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh được thu gom, lưu chứa, chuyên giao để xử lý đáp ứng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và các quy định có liên quan.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Trong giai đoạn thi công xây GD1

- Kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ và lắp thiết bị giảm thanh cho các thiết bị thi công trên công trường.

- Che chắn xung quanh khu vực công trường; lựa chọn máy móc, thiết bị có mức độ ồn thấp và không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị gây ồn khi thi công khu vực gần khu dân cư.

- Thực hiện bảo dưỡng thiết bị, máy móc thi công thường xuyên trong suốt thời gian thi công xây dựng.

- Phương tiện sử dụng không chở quá trọng tải quy định, khi di chuyển gần khu vực dân cư phải đi chậm, không sử dụng còi, tắt máy khi không cần thiết.

4.3.2. Trong giai đoạn vận hành GD1 và thi công xây dựng GD2

4.3.2.1. Hoạt động vận hành GD1

- Bố trí máy phát điện trong phòng cách âm; sử dụng móng bê tông vững chắc và đệm giảm chấn để chống rung; kiểm tra độ mòn chi tiết định kỳ và bảo dưỡng, thay thế những thiết bị hư hỏng.

- Lắp biển cảnh báo tốc độ tối đa các loại xe được lưu thông trên các tuyến đường nội bộ của Dự án.

- Trồng cây xanh dọc vỉa hè hai bên tuyến đường giao thông nội bộ, xung quanh hàng rào Dự án, hạn chế khả năng lan truyền tiếng ồn của các phương tiện giao thông, đồng thời thanh lọc, giảm bụi, khí thải khu vực.

- Các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp phải áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo thủ tục môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp.

4.3.2.2. Hoạt động thi công xây dựng GD2

Thực hiện các biện pháp tương tự như đã nêu tại mục 4.3.1.

4.3.3. Trong giai đoạn vận hành GD1+2 và thi công xây dựng GD3

4.3.3.1. Hoạt động vận hành GD1+2

Thực hiện các biện pháp tương tự như đã nêu tại mục 4.3.2.1.

4.3.3.2. Hoạt động thi công xây dựng GD3

Thực hiện các biện pháp tương tự như đã nêu tại mục 4.3.1.

4.3.4. Trong giai đoạn vận hành toàn bộ Dự án

Thực hiện các biện pháp tương tự như đã nêu tại mục 4.3.2.1.

4.3.5. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn và độ rung đạt các quy chuẩn: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư theo đúng quy định; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất và hỗ trợ đào tạo nghề đề xuất trong phương án bồi thường, hỗ trợ; nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa, Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực từ sự cố thiên tai

- Việc thiết kế, quy hoạch, xây dựng các công trình tại vị trí ranh giới KCN gần với sông Thương (đặc biệt là vị trí các mương hoàn trả suối Vĩ, suối Ngang chảy thẳng ra sông Thương) cần nghiên cứu kỹ lưỡng để giảm thiểu rủi ro sạt trượt công trình, gây mất an toàn công trình do việc hình thành lũ từ sông Thương tác động trở lại Dự án; bảo đảm đáp ứng yêu cầu về phòng, chống thiên tai, bảo vệ lòng, bờ, bãi sông theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với cơ quan chức năng của tỉnh Lạng Sơn giám sát chặt chẽ quá trình thi công tuyến mương hoàn trả suối Vĩ, suối Ngang theo thiết kế được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, chấp thuận, các mương hoàn trả này phải được hoàn thiện để lưu thông nước suối trước khi san, lấp các đoạn suối này theo từng giai đoạn triển khai Dự án. Chủ dự án có trách nhiệm phối hợp với UBND tỉnh Lạng Sơn triển khai hạng mục xây dựng 02 mương thoát nước mặt kết nối mương hoàn trả suối Vĩ, suối Ngang từ điểm ngoài ranh giới KCN ra sông Thương theo Công văn số 512/UBND-KT ngày 19/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Thiết kế công trình mương hoàn trả suối Vĩ, suối Ngang đoạn chảy qua Dự án theo từng giai đoạn triển khai phải được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, đánh giá và cho phép triển khai thực hiện theo quy định. Kết cấu mương hoàn trả phải được xem xét đến các rủi ro thiên tai để không làm hư hỏng công trình; thông số kỹ thuật của mương hoàn trả phải được tính toán theo nhu cầu thoát nước mưa bề mặt trong KCN và yêu cầu thoát lũ theo các kịch bản lũ có thể xảy ra trong khu vực (lũ từ sông Thương, lũ từ thượng nguồn suối Vĩ và suối Ngang), bảo đảm đáp ứng yêu cầu về phòng, chống thiên tai, an toàn cho cá nhân, tổ chức có liên quan hoạt động trong KCN và khu vực lân cận có người sinh sống.

- Việc thiết kế các mương hoàn trả này phải bảo đảm không có điểm gấp khúc trên toàn bộ tuyến mương; hạn chế tối đa việc thiết kế công hộp trên tuyến mương này để bảo đảm thuận lợi cho công tác nạo vét cũng như giảm thiểu nguy cơ sự cố chặn dòng khi có lũ; bố trí đất hành lang dự phòng hai bên bờ mương để sử dụng trong trường hợp thoát lũ lớn vượt thiết kế của mương hoặc khi có yêu cầu mở rộng mương.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát, đánh giá khả năng vận hành tiêu thoát nước của các mương hoàn trả theo từng giai đoạn triển khai Dự án để đề xuất, báo cáo cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Lạng Sơn xem xét, điều chỉnh thiết kế, hướng tuyến mương hoàn trả nhằm đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai, bảo vệ lòng, bờ, bãi sông theo quy định.

4.4.3. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông, đời sống kinh tế - xã hội của người dân khu vực Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

- Phối hợp với cơ quan điện lực tại địa phương thực hiện việc di dời đường điện, đảm bảo an toàn; thông báo cho người dân được biết trước khi thực hiện để chủ động trong các hoạt động có liên quan.

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông công cộng, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận trước khi triển khai thi công và tổ chức thực hiện theo phương án được phê duyệt; lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông được biết; bố trí nhân sự phối hợp với cảnh sát giao thông khu vực để hướng dẫn phân luồng tại khu vực thi công trong suốt thời gian thi công.

- San nền phù hợp với cao độ hiện trạng khu vực xung quanh, đường giao thông khu vực và quy hoạch chung của địa phương; xây dựng hệ thống công thu gom thoát nước mưa theo thiết kế được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo khả năng thoát nước chung của khu vực.

4.4.4. Biện pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn

- Trong quá trình thi công xây dựng: Thực hiện che chắn và hạn chế vật liệu xây dựng rơi vãi trên công trường; xây lắp hệ thống rãnh thu gom nước mưa hình thang (kích thước miệng rãnh x đáy x sâu khoảng = 0,8 m x 0,4 m x 0,4 m) và hệ thống hố lắng cát (kích thước L x B x H = 1,0 m x 1,0 m x 1,0 m), mật độ khoảng 50 m/hố lắng xung quanh các công trường thi công để lắng nước mưa chảy tràn trước khi thoát ra ngoài môi trường. Thường xuyên nạo vét, khơi thông rãnh thoát nước và hố lắng, đảm bảo nước mưa không gây ngập úng trong khu vực Dự án và xung quanh Dự án.

- Trong giai đoạn vận hành: Xây dựng đồng bộ hệ thống mương thoát nước mưa bề mặt trong KCN theo từng giai đoạn triển khai Dự án như phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện đầu nối các điểm thoát nước mưa từ Dự án ra ngoài môi trường theo phương án đã được thống nhất, phê duyệt; bảo đảm việc tiêu thoát nước mưa từ Dự án ra khu vực xung quanh không làm gia tăng nguy cơ ngập úng so với giai đoạn chưa triển

khai Dự án.

4.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

4.5.1. Trong các giai đoạn thi công xây dựng Dự án

4.5.1.1. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Ban hành nội quy, quy chế về phòng chống cháy nổ để yêu cầu các nhà thầu thi công triển khai thực hiện; tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức cho cán bộ, công nhân viên và trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị phòng chống cháy nổ tại các công trường thi công theo quy định.

4.5.1.2. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

- Tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động, tuân thủ theo quy định về sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, bảo quản các thiết bị, máy móc thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo tại những vị trí có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động làm việc trên công trường; tổ chức đội cứu hộ để sơ cứu tại chỗ trong trường hợp xảy ra tai nạn.

- Bố trí trang thiết bị cần thiết để vận chuyển người bị nạn tới cơ sở y tế; lắp đặt đường dây khẩn cấp để thông báo khi xảy ra sự cố; lập danh sách và địa chỉ các bệnh viện và cơ sở y tế xung quanh khu vực Dự án.

4.5.2. Trong các giai đoạn vận hành Dự án

4.5.2.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Thiết lập cơ chế kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước thải đầu nối từ các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp hệ thống thu gom nước thải. Bố trí các hố ga đầu nối thuận lợi cho việc tiếp cận, lấy mẫu, quan trắc lưu lượng và chất lượng nước thải từ các cơ sở, dự án trong KCN.

- Thỏa thuận cụ thể với các doanh nghiệp thứ cấp về chất lượng nước thải các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

- Xây dựng, hoàn thiện các công trình xử lý nước thải theo đúng quy mô thiết kế và theo tiến độ đầu tư các dự án thứ cấp trong KCN. Mỗi module xử lý nước thải có bể điều hòa được thiết kế với thời gian lưu từ 8-10 giờ, nhằm ổn định lưu lượng và nồng độ nước thải trước khi sang các bể xử lý tiếp theo đảm bảo hệ thống vận hành ổn định, giảm rủi ro sự cố vận hành hệ thống.

- Bố trí máy phát điện dự phòng cho hệ thống xử lý nước thải tập trung; thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc, tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời. Bố trí các thiết bị máy bơm/động cơ dự phòng tại các module để đảm bảo khi có 01 thiết bị phải sửa chữa, thay thế thì hệ thống vẫn hoạt động bình thường bằng thiết bị dự phòng.

- Xây dựng và vận hành 02 hồ sự cố theo tiến độ xây dựng các module của hệ

thống xử lý nước thải tập trung với tổng dung tích 25.500 m³ (hồ số 1 dung tích 14.400 m³, hồ số 2 dung tích 11.100 m³), đảm bảo khả năng lưu chứa nước thải tối thiểu trong 03 ngày. Hồ sự cố phải đảm bảo kiên cố, chống thấm, chống rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế về xây dựng, đáy hồ lót bạt HDPE, thành hồ đổ bê tông cốt thép đồng thời lót vải địa kỹ thuật và bạt HDPE chống thấm được xây cao hơn độ cao san nền, đảm bảo nước mưa không chảy tràn vào hồ. Trong quá trình hoạt động, trong hồ sự cố luôn có 1 lớp nước (nước dẫn đáy) cao 0,5 m để tấm HDPE lót đáy không bị đẩy nổi gây hư hỏng. Bơm hồ sự cố được thiết kế với 2 đường ống: Một đường ống bơm nước mưa ra bên ngoài và một đường ống bơm nước thải về bể điều hòa. Vào các thời điểm trời mưa, máy bơm hoạt động bơm nước mưa ra ngoài nhằm đảm bảo lớp nước dẫn đáy. Khi xảy ra sự cố, hệ thống van trên đường ống bơm nước mưa ra khỏi hồ đóng lại, nước thải được bơm vào hồ. Sau khi hoàn thành khắc phục sự cố, hệ thống van trên đường ống bơm nước thải từ hồ sự cố về bể điều hòa được mở ra. Nước thải được bơm từ hồ sự cố về bể điều hòa để xử lý.

- Thiết lập cảnh báo khi phát hiện nồng độ các thông số ô nhiễm trong nước thải vượt ngưỡng 90% nồng độ các thông số ô nhiễm được phép xả thải (thông qua hệ thống quan trắc tự động, liên tục) thì ngừng hoạt động xả thải để dẫn nước thải về hồ sự cố lưu giữ; thực hiện rà soát thiết bị nhằm phát hiện nguy cơ sự cố có thể xảy ra để chủ động ứng phó.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố, dừng xả nước thải sau xử lý ra sông Thương, đồng thời đóng van đường ống từ bể gom lên bể xử lý và mở van đường ống bơm bể gom về hồ sự cố. Chủ dự án khẩn trương rà soát, phát hiện nguyên nhân để khắc phục sự cố trong thời gian ngắn nhất. Sau khi sự cố được khắc phục, nước thải ở hồ sự cố được bơm ngược lại về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, $K_q=0,9$; $K_f=0,9$) trước khi xả ra sông Thương.

- Thỏa thuận với các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong KCN về việc tạm dừng tiếp nhận nước thải từ các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp về hệ thống xử lý nước thải tập trung trong trường hợp quá thời gian lưu chứa tối đa của công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường mà sự cố tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN chưa được khắc phục. Trường hợp công trình ứng phó sự cố trạm xử lý nước thải của KCN không còn khả năng lưu chứa nước thải, thực hiện đóng van đầu nối nước thải từ các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp vào hệ thống thu gom nước thải của KCN và thông báo cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp về việc tạm ngừng tiếp nhận nước thải từ các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp, vận hành phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải tại các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp để hỗ trợ thời gian khắc phục sự cố trạm xử lý nước thải tập trung của KCN.

- Tuân thủ đúng các yêu cầu thiết kế, xây dựng, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nhân viên vận hành xử lý nước thải phải được tập huấn thường xuyên về chương trình vận hành và bảo dưỡng của hệ thống.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì các môi nổi, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống thu gom nước thải, xả nước thải.

- Xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2023-2030.

4.5.2.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

- Lập phương án chữa cháy, cứu nạn trình cấp có thẩm quyền thẩm duyệt, xác nhận và tổ chức thực hiện; lắp đặt các thiết bị phòng cháy và chữa cháy và đảm bảo thường trực nguồn nước chữa cháy; định kỳ kiểm tra tình trạng hoạt động của các trang thiết bị ứng phó cháy nổ, đảm bảo các thiết bị luôn ở trạng thái hoạt động tốt để công tác ứng phó sự cố cháy nổ được thực hiện an toàn.

- Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn; quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy đối với người lao động làm việc tại của Dự án.

- Định kỳ tập huấn, diễn tập công tác an toàn phòng cháy, chữa cháy cho người lao động làm việc tại Dự án, bố trí lực lượng thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ.

4.5.2.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất

- Lập kế hoạch, biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất theo quy định của pháp luật về hóa chất và tổ chức thực hiện; thực hiện quản lý, bảo quản, lưu giữ hóa chất theo đúng quy định của pháp luật về hóa chất.

- Kho chứa hóa chất tại các nhà máy xử lý nước cấp, hệ thống xử lý nước thải tập trung được thiết kế xây dựng đảm bảo đáp ứng yêu cầu quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5507-2002: Hoá chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển; Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 2622:1995 - Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư

Chủ Dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

5.1. Trong các giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát (04 vị trí)

+ Khu vực tuyến đường tỉnh lộ ĐT242 giữa Dự án.

+ Khu vực tuyến đường tỉnh lộ ĐT 245 phía Đông Dự án.

+ Khu vực dân cư xã Hồ Sơn phía Tây Dự án.

+ Khu vực dân cư xã Hòa Thắng phía Nam Dự án.

- Thông số giám sát: Bụi, SO₂, NO_x, CO, tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần; thực hiện trong các giai đoạn có hoạt động thi công xây dựng Dự án.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

+ QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.1.2. Giám sát môi trường nước mặt

- Vị trí giám sát: 01 điểm trên sông Thương phía Tây Dự án.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần; thực hiện trong các giai đoạn có hoạt động thi công xây dựng Dự án.

- Thông số giám sát: pH, DO, TSS, COD, BOD₅, NH₄⁺, PO₄³⁻, Pb, Cd, Cr⁶⁺, Fe, Hg, As, Chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ, Tổng Coliform.

- Quy định quản lý áp dụng: QCVN 08:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.1.3. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải xây dựng và chất thải nguy hại trong các giai đoạn thi công xây dựng Dự án; định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, quy định của tỉnh Lạng Sơn và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

5.2. Trong các giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát nước thải tự động, liên tục

- Vị trí giám sát (02 vị trí):

+ Nước thải đầu vào hệ thống tại bể điều hòa.

+ Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thông số giám sát:

+ Nước thải đầu vào: Lưu lượng đầu vào, pH, TSS, COD.

+ Nước thải đầu ra: Lưu lượng đầu ra, pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

- Tần suất giám sát: Liên tục 24/24 giờ.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với các hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$.

5.2.2. Giám sát nước thải định kỳ

- Vị trí giám sát: Tại mương quan trắc sau bể khử trùng.

- Thông số giám sát: Tất cả các thông số theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (trừ các thông số đã giám sát tự động, liên tục).

- Tần suất giám sát: 01 năm/lần đối với các thông số tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, tổng hóa chất bảo vệ thực vật phot pho hữu cơ, tổng PCB; các thông số khác 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$.

5.2.3. Giám sát môi trường nước mặt

- Vị trí giám sát: 02 điểm nước mặt sông Thương phía Tây Dự án (thượng lưu và hạ lưu tính các điểm xả thải khoảng 500m).

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: pH, DO, TSS, COD, BOD₅, NH₄⁺, PO₄³⁻, Pb, Cd, Cr⁶⁺, Fe, Hg, As, Chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ, Tổng Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.2.4. Chương trình giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại trong các giai đoạn thi công xây dựng Dự án; định kỳ chuyên giao chất thải cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, quy định của tỉnh Lạng Sơn và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

5.2.5. Chương trình giám sát bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải

Thực hiện theo quy định tại QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

5.2.6. Giám sát khác

Thường xuyên giám sát nguy cơ sạt lở, lún, võng, nguy cơ nứt, vỡ công trình khu vực xây dựng các mương hoàn trả, khu vực ranh giới Dự án phía sông Thương để chủ động ứng phó các sự cố có thể xảy ra.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

6.1. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các yêu cầu đối với Chủ dự án được nêu tại Quyết định số 501/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án.

6.2. Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật và chỉ được phép triển khai thực

hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất theo quy định của pháp luật; phối hợp với đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom, mìn, vật nổ trong khu vực Dự án trước khi triển khai thi công theo quy định. Việc triển khai các giai đoạn của Dự án phải bảo đảm thực hiện đúng theo Quyết định số 501/QĐ-TTg nêu trên.

6.3. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện Báo cáo tính toán đánh giá tác động của việc xây dựng Dự án đến khả năng thoát lũ của hệ thống sông Thương để làm cơ sở thiết kế các mương hoàn trả suối Vĩ, suối Ngang, cao trình KCN theo các giai đoạn triển khai thực hiện Dự án và bảo đảm: các quy định về phòng, chống thiên tai, an toàn cho tổ chức, cá nhân có liên quan; an toàn cho chính KCN trong quá trình thi công xây dựng và vận hành sau này, nhất là biện pháp thiết kế, thi công, xây dựng đảm bảo lưu thông dòng chảy, phòng chống sạt, lở bờ bãi sông theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; đảm bảo yêu cầu phòng tránh ngập lụt, đảm bảo an toàn với các trận lũ đã xả ra gần đây và yêu cầu về tần suất thiết kế. Trong đó cần lưu ý rà soát thêm các dữ liệu đầu vào, thông số mặt cắt, các biên,... để hiệu chỉnh mô hình tính toán. Chủ dự án chịu trách nhiệm đối với kết quả đánh giá và phương án thiết kế mương hoàn trả suối Vĩ, suối Ngang trong trường hợp công trình hoàn trả không đáp ứng yêu cầu theo quy định. Chủ động thường xuyên theo dõi, giám sát chặt chẽ hoạt động thoát nước mưa bề mặt, thoát lũ tại các mương hoàn trả theo tiến độ triển khai Dự án trong từng giai đoạn, chủ động báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận phương án cải tạo, nâng cấp các tuyến mương này khi phát hiện có dấu hiệu hư hỏng hoặc không đáp ứng yêu cầu về phòng, chống thiên tai, có nguy cơ mất an toàn.

6.4. Tuân thủ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa, Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt của đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước trong quá trình chuyển mục đích sử dụng đất, bảo đảm phù hợp với các nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường được nêu tại Quyết định này và tổ chức thực hiện theo quy định tại Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

6.5. Xây dựng phương án cảnh giới và điều tiết lưu thông trước khi triển khai thi công; lắp đặt hệ thống biển báo, mốc giới các địa bàn thi công khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực Dự án về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông và đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong thời gian thi công; bố trí lực lượng, phương tiện tham gia công tác cảnh giới và điều tiết lưu thông theo quy định để quản lý, theo dõi các báo hiệu công trường và khu vực thi công, kịp thời xử lý các vấn đề liên quan tới báo hiệu đang quản lý và bảo đảm an toàn giao thông trong thời gian thi công.

6.6. Phối hợp với cơ quan chức năng xây dựng phương án cải tạo, hoàn trả hệ thống đường điện, kênh mương, công trình thủy lợi, thi công hệ thống thoát

nước trong phạm vi Dự án và thực hiện theo phương án được phê duyệt, chấp thuận; áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo việc triển khai Dự án trong từng giai đoạn không ảnh hưởng tới cảnh quan, môi trường, sinh hoạt, đời sống, hoạt động kinh doanh, sản xuất nông nghiệp, hoạt động giao thông đường bộ của người dân khu vực Dự án.

6.7. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án và đầu tư xây dựng các hạng mục công trình của Dự án theo đúng thiết kế được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường của Dự án được bố trí phù hợp với các loại hình thu hút đầu tư trong KCN.

6.8. Thực hiện phân khu chức năng trong KCN theo quy định của pháp luật, đảm bảo các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong KCN có khoảng cách an toàn môi trường theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật để giảm thiểu ảnh hưởng của các loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với các loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác và các đối tượng kinh tế - xã hội xung quanh Dự án; thuận lợi cho công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; tăng cường khả năng cộng sinh công nghiệp; không bố trí, quy hoạch các dự án đầu tư thứ cấp có hoạt động phát sinh bụi, mùi khó chịu hoặc tiếng ồn cao tại vị trí gần khu vực có người sinh sống.

6.9. Chỉ được phép thu hút các dự án đầu tư thứ cấp có ngành nghề tại Mục 1.2.2 Quyết định này; thực hiện thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án và các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp vào KCN; đảm bảo việc tiếp nhận cơ sở, dự án đầu tư mới hoặc nâng công suất cơ sở, dự án đầu tư đang hoạt động có phát sinh nước thải vào KCN phải phù hợp với khả năng tiếp nhận, xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

6.10. Tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ nguồn nước; xả nước thải vào nguồn nước; đảm bảo an toàn giao thông và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường.

6.11. Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, phòng ngừa, ứng cứu sự cố, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động, an toàn hóa chất, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện Dự án theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý, kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn lao động, ngập úng, cháy, nổ cũng như các rủi ro, sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công và vận hành của Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.12. Tuân thủ các quy định về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

6.13. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với chủ đầu tư các cơ sở thứ cấp và người lao động làm việc tại Dự án.

6.14. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra; thực hiện công khai kết quả quan trắc nước thải tự động liên tục và kết quả quan trắc nước thải định kỳ của Dự án theo quy định.

6.15. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của KCN phù hợp với yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; tiếp nhận báo cáo công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở thứ cấp trong KCN và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường của KCN gửi các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

6.16. Phối hợp với các Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn, BQL KKT và cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn tổ chức thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường, thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở thứ cấp trong KCN theo quy định của pháp luật; tổ chức kiểm tra việc thực hiện cam kết về bảo vệ môi trường đối với chủ dự án đầu tư các cơ sở thứ cấp khi đăng ký vào KCN nhằm phát hiện kịp thời vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân và kiến nghị với cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

6.17. Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện Dự án chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày có Quyết định này.

6.18. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong từng giai đoạn triển khai Dự án, khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định.

6.19. Nghiên cứu phương án xây lắp hồ sự cố kết hợp hồ sinh học (thay cho phương án xây dựng hồ sự cố có bể chỉ thị sinh học như đề xuất hiện nay) nhằm cải thiện, xử lý tốt hơn các thông số ô nhiễm đã được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra ngoài môi trường, báo cáo kết quả thực hiện nội dung này với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong quá trình thẩm định, cấp giấy phép môi trường.

6.20. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai trong quá trình triển khai Dự án; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nêu gây ra sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường hoặc các thiệt hại về tài sản, tính mạng của cá nhân, tổ chức có liên quan đến hoạt động phòng, chống thiên tai có nguyên nhân từ thiết kế công trình hạ tầng, kỹ thuật của Dự án.

6.21. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư, dự án đầu tư xây dựng./.